

Số: 2174/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 29 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Theo đề nghị của Sở Tài chính (Văn bản số 2644/STC-QLNS ngày 26/9/2023);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2023 theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KTTC.

ts

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Hưng



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

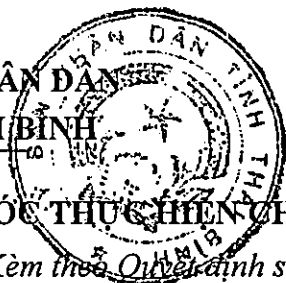
STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG THU NSNN	20.997.877	17.064.797	81,3	85,3
A	TỔNG THU NSDP	16.779.807	15.474.524	92,2	96,7
I	Thu NSNN trên địa bàn	14.152.000	6.501.870	45,9	62,4
1	Thu nội địa	11.352.000	5.146.870	45,3	66,3
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	2.800.000	1.355.000	48,4	50,4
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		5.341.336		
III	Trợ cấp NSTW	6.845.877	5.100.735	74,5	87,4
IV	Thu kết dư ngân sách		67.407		
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		2.179		
VI	Tạm thu ngân sách nhà nước		1.268		
VII	Thu từ các khoản cho vay của NN		600		
VIII	Địa phương vay từ nguồn cho vay lại của CP		2.402		
IX	Các khoản ghi thu trên địa bàn		47.000		
B	TỔNG CHI NSDP	16.851.707	12.088.279	72	115
I	Chi cân đối NSDP	16.590.804	12.044.279	73	115
1	Chi đầu tư phát triển	5.557.118	5.321.787	96	125
2	Chi thường xuyên	10.747.629	6.720.313	63	112
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5.734			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
5	Chi nộp ngân sách cấp trên		2.179		
6	Dự phòng ngân sách	278.873			
II	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	260.903			
III	Các khoản ghi chi trên địa bàn		44.000		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	71.900			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC				
E	CHI TẠM ỨNG				



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	14.152.000	6.501.870	45,9	62,4
I	Thu nội địa	11.352.000	5.146.870	45,3	66,3
1	Thu từ khu vực DNNN	774.000	653.052	84,4	178,0
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	145.000	123.754	85,3	148,8
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.100.000	1.323.400	63,0	96,8
4	Thuế thu nhập cá nhân	380.000	241.432	63,5	78,4
5	Thuế bảo vệ môi trường	3.300.000	333.156	10,1	16,8
6	Lệ phí trước bạ	386.000	252.858	65,5	80,8
7	Thu phí, lệ phí	95.000	74.390	78,3	102,1
8	Các khoản thu về nhà, đất	3.928.000	1.822.429	46,4	
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>	-			
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	20.000	24.133	120,7	83,6
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	3.668.000	1.655.202	45,1	64,1
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	240.000	142.611	59,4	42,6
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>	-	483		
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	38.000	15.477	40,7	84,3
10	Thu lợi nhuận còn lại	6.000	8.526	142,1	73,6
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	78.000	69.842	89,5	115,1
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	20.000	33.305	166,5	63,3
13	Thu khác ngân sách	100.000	194.438	194,4	108,8
14	Thu tiền sử dụng khu vực biên	2.000	800	40,0	
II	Thu từ dầu thô	-	-		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	2.800.000	1.355.000	48,4	50,4
IV	Thu viện trợ	-	-		
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	9.933.930	4.911.597	49,4	
1	Từ các khoản thu phân chia	4.546.595	2.026.396		
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	5.387.335	2.885.201		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 2174 /QĐ-UBND ngày 29 /9/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DT NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	16.851.707	12.088.279	72	115
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	16.590.804	12.044.279	73	115
I	Chi đầu tư phát triển	5.557.118	5.321.787	96	125
1	Chi đầu tư cho các dự án	5.557.118	5.321.787	96	125
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công ích				
II	Chi thường xuyên	10.747.629	6.720.313	63	112
	<i>Tỷ trọng</i>	<i>64,8</i>	<i>55,8</i>		
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	4.342.386	2.724.541	63	115
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình	846.422	493.390	58	92
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	35.074	21.978	63	112
4	Chi sự nghiệp văn hóa thể thao và du lịch	155.470	99.547	64	107
5	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	60.264	34.388	57	105
6	Chi đảm bảo xã hội	1.618.814	955.392	59	101
7	Chi sự nghiệp kinh tế	1.054.085	719.061	68	182
8	Chi sự nghiệp tài nguyên và môi trường	532.225	95.780	18	106
9	Chi quản lý hành chính	1.703.716	1.262.512	74	101
10	Chi trợ giá	15.500	8.800	57	135
11	Chi khác ngân sách	81.241	14.156	17	102
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5.734			
IV	Dự phòng ngân sách	278.873			
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
VI	Chi trả nợ gốc				
VII	Chi nộp ngân sách cấp trên		2.179		
B	BỘI CHI NSDP	71.900			
C	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	260.903			
D	CÁC KHOẢN GHI CHI TRÊN ĐỊA BÀN		44.000		
E	CHI TẠM ỨNG				



**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 2174 /QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh)

1. Thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) 9 tháng ước thực hiện 17.064,7 tỷ đồng, đạt 81,3% dự toán năm, bằng 85,3% so với cùng kỳ năm 2022.

Tổng thu ngân sách địa phương (NSDP) 9 tháng ước thực hiện 15.474,5 tỷ đồng, đạt 92,2% dự toán năm, bằng 96,7% so với cùng kỳ năm 2022.

Thực hiện thu ngân sách ở một số lĩnh vực như sau:

- Thu nội địa: 9 tháng ước thực hiện 5.146,8 tỷ đồng, đạt 45,3% dự toán năm, bằng 66,3% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm tỷ trọng 33% tổng số thu NSDP.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 9 tháng ước thực hiện 5.100,7 tỷ đồng, đạt 74,5% dự toán năm, bằng 87,4% so với cùng kỳ năm 2022.

- Thu chuyển nguồn năm trước sang: 5.341,3 tỷ đồng.

- Thu thuế xuất, nhập khẩu: 9 tháng ước thực hiện 1.355 tỷ đồng, đạt 48,4 % dự toán năm, bằng 50,4% so với cùng kỳ năm 2022.

2. Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương

Tổng chi NSDP 9 tháng ước thực hiện 12.088,2 tỷ đồng, đạt 72% dự toán năm, bằng 115% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 9 tháng ước thực hiện 5.321,7 tỷ đồng, đạt 96% dự toán năm, bằng 125% so với cùng kỳ năm 2022.

- Chi tiêu dùng thường xuyên: 9 tháng ước thực hiện 6.720,3 tỷ đồng, đạt 63% dự toán năm, bằng 112% so với cùng kỳ năm 2022, cụ thể:

Sự nghiệp kinh tế ước thực hiện 719 tỷ đồng, đạt 68% dự toán năm; Sự nghiệp tài nguyên và môi trường ước thực hiện 95,7 tỷ đồng, đạt 18% dự toán năm; Sự nghiệp khoa học công nghệ ước thực hiện 21,9 tỷ đồng, đạt 63% dự toán năm; Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 2.724,5 tỷ đồng, đạt 63% dự toán năm; Sự nghiệp văn hoá thể thao du lịch ước thực hiện 99,5 tỷ đồng, đạt 64% dự toán năm; Sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình ước thực hiện 493,3 tỷ đồng, đạt 58% dự toán năm; Chi đảm bảo xã hội ước thực hiện 955,3 tỷ đồng, đạt 59% dự toán năm; Chi quản lý hành chính ước thực hiện 1.262,5 tỷ đồng, đạt 74% dự toán năm./.